

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 30-7-2025
V/v *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đoàn Hồng Canh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy Minh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông **Đinh Tiến Kiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST- DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Hoàng Đức T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh P. Hiện là xã C, tỉnh P.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hà Văn V**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu T, xã T, thị xã P, tỉnh P. Hiện là phường A, tỉnh P.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Nho T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Hiện là khu 2, xã T, tỉnh P.

(Ông V có mặt và ông T, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Đức T và đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Hà Văn V trình bày:

Ông Hoàng Đức T có cho bà Trần Thị Nho T vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) được ghi nhận bằng giấy biên nhận nợ tiền do bà T ký nhận vay tiền của ông T giấy biên nhận vay đề ngày vay là ngày 05/5/2023 dương lịch, thời gian hạn trả tiền là tháng 12/2023 âm lịch.

Theo thỏa thuận đến hạn trả nợ ông T đòi nhưng bà T không trả. Từ đó đến nay ông đòi nhiều lần bà T không trả thậm trí điện thoại cho bà nhưng bà không nghe máy. Nay ông Hoàng Đức T khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Toà án giải quyết

buộc bà Trần Thị Nho T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo giấy biên nhận nợ cộng với tiền lãi tính trên số tiền gốc bà T vay. Tiền lãi tính theo lãi suất vay của Ngân hàng từ thời điểm chậm trả (tháng 12 âm lịch năm 2023 cho đến khi vụ án giải quyết xong.

Bị đơn là bà Trần Thị Nho T trình bày:

Bà và ông Hoàng Đức T có quan hệ anh em nhà ngoại. Trong thời gian làm ăn kinh tế bà có thiếu vốn nên có vay của ông T 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) vào ngày 05/5/2023 không có thỏa thuận về thời hạn và lãi suất. Bà có viết giấy vay tiền trong thời gian vay bà đã trả lãi đầy đủ, sau đó bà bị phá sản. Do khó khăn nên hiện nay bà chưa trả được số tiền gốc. Nay ông T khởi kiện bà nhất trí sẽ trả cho ông T số tiền gốc đã vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và bà có đề xuất như sau: Đề nghị ông T rút đơn khởi kiện để bà bình tĩnh làm ăn kiếm tiền trả cho ông T. Bà đề nghị trả thành 3 giai đoạn trong 3 năm, mỗi năm trả một phần kể từ năm 2025. Bà đề nghị do hoàn cảnh của bà khó khăn, bà xin trả tiền gốc và xin tiền lãi.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức T.

Buộc bà Trần Thị Nho T ở khu 2 xã Đ, huyện T (Nay là khu 2, xã T, tỉnh P) phải trả cho ông Hoàng Đức T ở xóm Đ, xã T, huyện T (Nay là xóm Đ, xã C, tỉnh P) số tiền 500.000.000đồng và tiền lãi kể từ ngày vay cho đến khi xét xử.

Về án phí: Bà Trần Thị Nho T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Trần Thị Nho T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại khu 2, xã Đ, huyện T. Hiện là khu 2, xã T, tỉnh P. Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Nho T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Trong giấy vay tiền, bà Trần Thị Nho T vay tiền ngày 05/5/2023 tức ngày 05/5/2023 ngày hẹn trả tháng 12 âm lịch trả một phần kinh phí cho ông T, căn cứ vào các quy định của pháp luật thì còn thời hiệu khởi kiện theo Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về số tiền gốc:

Bà Trần Thị Nho T thừa nhận bà có nợ số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) của ông Hoàng Đức T. Khi vay thì bà có viết giấy biên nhận vay đề ngày 05/5/2023 dương lịch, thời gian hẹn trả tiền là tháng 12 năm 2023 âm lịch, sẽ trả một phần kinh phí, không có thỏa thuận về thời hạn và lãi suất. Nhưng trong thời gian vay tiền thì bà đã trả lãi đầy đủ cho ông T. Nhưng do làm ăn bà bị phá sản, do vậy, hiện nay bà chưa trả được số tiền gốc 500.000đ (Năm trăm triệu đồng) cho ông T. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định” do vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và có căn cứ ngày 05/5/2023 ông Hoàng Đức T có cho bà Trần Thị Nho T vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), việc ông T khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất:

Ông Hà Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tính từ ngày 10/5/2024 đến ngày 30/7/2025 là 447 ngày, lãi suất ngân hàng 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên không thỏa thuận được về số tiền lãi. Xét thấy, mức lãi suất 10%/năm không vi phạm quy định về lãi suất, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Ông V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T trả tiền lãi từ ngày 10/5/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là 447 ngày, ngoài ra ông V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đề nghị tính khoản lãi suất nào khác. Từ đó cần buộc bà Trần Thị Nho T phải chịu lãi suất đối với Hợp đồng vay tài sản chưa trả của ông T kể từ ngày 10/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/7/2025 là phù hợp quy định của pháp luật.

Ông Hà Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận việc tính lãi đối với số tiền 500.000.000đ (từ ngày 10/5/2024 đến ngày 30/7/2025 là 447 ngày). Ông đề nghị theo lãi suất ngân hàng 10%/năm.

Lãi suất 01 ngày = 10%/năm : 365 ngày = 0,00027đ/1 ngày.

Số tiền lãi 01 ngày = 0,00027đ/1 ngày x 500.000.000đ = 135.000đ/1 ngày.

Số tiền lãi 447 ngày x 135.000đ/1 ngày = 60.345.000đ.

Do đó số tiền lãi bà Trần Thị Nho T phải trả cho ông Hoàng Đức T là 60.345.000đ (Sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Đây là vụ án dân sự tranh chấp có giá ngạch. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức T.

Buộc bà Trần Thị Nho T phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Đức T số tiền gốc 500.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc là 60.345.000đ (Sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi bà Trần Thị Nho T phải trả cho ông Phùng Minh N: 560.345.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Nho T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.413.800đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm mười ba nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Hoàng Đức T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003937 ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trần Thị Nho T vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng GDKT, TT&THA - TAND tỉnh Phú Thọ. Cơ sở 1;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

Số: 02/2025/QĐ-SCBSBA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ Điều 268 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS- ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Hoàng Đức T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm Đá C, xã T, huyện T. Hiện là xã C, tỉnh P.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hà Văn V**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu T, xã T, thị xã P. Hiện là phường A, tỉnh P.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Nho T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện T. Hiện là khu 2, xã T, tỉnh P.

(Ông V có mặt và ông T, chị T vắng mặt)

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 04/2025/DS – ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ như sau:

1. Tại dòng thứ 20 từ dưới lên trang 01 của bản án đã ghi: “Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Trong ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú”

2. Tại dòng thứ 12 từ dưới lên trang 04 của bản án đã ghi: “tiền gốc 500.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc là 60.345.000đ”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “tiền gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc là 60.345.000đ”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng GDKT, TT&THA - TAND tỉnh Phú Thọ. Cơ sở 1;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02A/2025/QĐ-SCBSBA

Phú Thọ, ngày 13 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ Điều 268 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS- ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Hoàng Đức T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện T. Hiện là xã C, tỉnh P.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hà Văn V**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu T, xã T, thị xã P. Hiện là phường A, tỉnh P.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Nho T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện T. Hiện là khu 2, xã T, tỉnh P.

(Ông V có mặt và ông T, chị T vắng mặt)

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 04/2025/DS – ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ như sau:

Tại dòng thứ 9 và thứ 10 từ dưới lên trang 04 của bản án đã ghi: “Tổng số tiền gốc và lãi bà Trần Thị Nho T phải trả cho ông Phùng Minh N: 560.345.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Tổng số tiền gốc và lãi bà Trần Thị Nho T phải trả cho ông Hoàng Đức T: 560.345.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng GĐKT, TT&THA - TAND tỉnh Phú Thọ. Cơ sở 1;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy

